

BÁO CÁO CẬP NHẬT VĨ MÔ
Tháng 10/2024

CƠ HỘI VÀ RỦI RO CÂN BẰNG

Trịnh Viết Hoàng Minh
CVPT – Vĩ mô & TT Tiền tệ

TIÊU ĐIỂM

- Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu biến động, Mỹ và Trung Quốc thực hiện các biện pháp hỗ trợ để ứng phó với thách thức. Tại Mỹ, FED đang cắt giảm lãi suất để cân bằng giữa kiểm soát lạm phát và thúc đẩy việc làm, nhưng hiện tại FED đang cho thấy sự ưu tiên nằm ở việc ổn định việc làm và tăng trưởng kinh tế. Còn ở phía Trung Quốc, chính phủ đang đẩy mạnh kích thích kinh tế bằng cách biện pháp như cắt giảm lãi suất, giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc và hỗ trợ tài khóa. Trung Quốc đang nỗ lực gia tăng nhu cầu nội địa và ổn định tăng trưởng.
- Việc ông Donald Trump tái đắc cử Tổng thống Mỹ và chính sách thuế thương mại sắp tới được dự báo có thể tạo thêm rủi ro đối với thương mại toàn cầu và sự dịch chuyển của dòng vốn đầu tư vào các ngành công nghệ cao nếu chuỗi cung ứng chuyển về Mỹ.
- Hiện tại, kinh tế Việt Nam vẫn cho thấy những dấu hiệu phục hồi mạnh mẽ với chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) và chỉ số PMI đều tăng trưởng, bất chấp tác động từ đợt thiên tai gần đây. Tuy nhiên, là một nền kinh tế có độ mở cao, Việt Nam có thể sẽ phải đối mặt với các rủi ro từ những biến động nêu trên.
- Trong khi xuất khẩu và nhập khẩu tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, niềm tin kinh doanh giảm cho thấy các doanh nghiệp đang thận trọng trước bối cảnh toàn cầu không ổn định. Tuy nhiên, tiến độ đầu tư công chậm và nhu cầu tiêu dùng yếu vẫn đang những thách thức cần giải quyết.
- Dự báo GDP của Việt Nam năm 2024 có thể đạt khoảng 7%, tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ trong năm 2025.
- Dự báo lạm phát cho cả năm dưới mức mục tiêu 4,5% của Chính phủ là một tín hiệu tích cực, giúp Việt Nam có thêm dư địa để điều hành chính sách ổn định kinh tế trong thời gian tới.

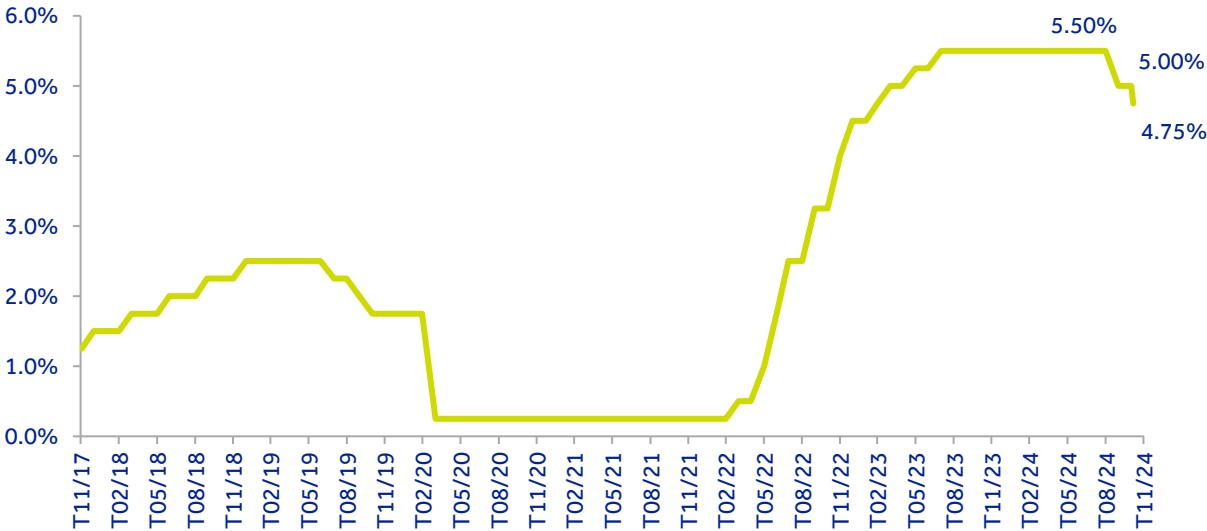
CÁC CHỈ TIÊU VĨ MÔ CỦA VIỆT NAM

Dữ liệu hàng tháng	T6/24	T7/24	T8/24	T9/24	T10/24
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) (n/n)	12.4%	11.1%	8.4%	8.3%	7.0%
Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI)	54.7	54.7	52.4	47.3	51.2
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (n/n)	9.1%	9.4%	7.9%	7.6%	7.1%
CPI (t/t)	0.2%	0.5%	0.0%	0.3%	0.3%
CPI (n/n)	4.3%	4.4%	3.5%	2.6%	2.9%
Kim ngạch xuất khẩu (n/n)	14.3%	20.5%	15.4%	11.1%	10.5%
Kim ngạch nhập khẩu (n/n)	15.5%	25.5%	15.1%	11.5%	13.8%
Cán cân thương mại (triệu USD)	3,201	2,356	4,050	2,319	2,034
FDI giải ngân (triệu USD)	2,590	1,710	1,600	3,190	2,240
FDI đăng ký (triệu USD)	3,472	2,240	1,981	3,479	2,389

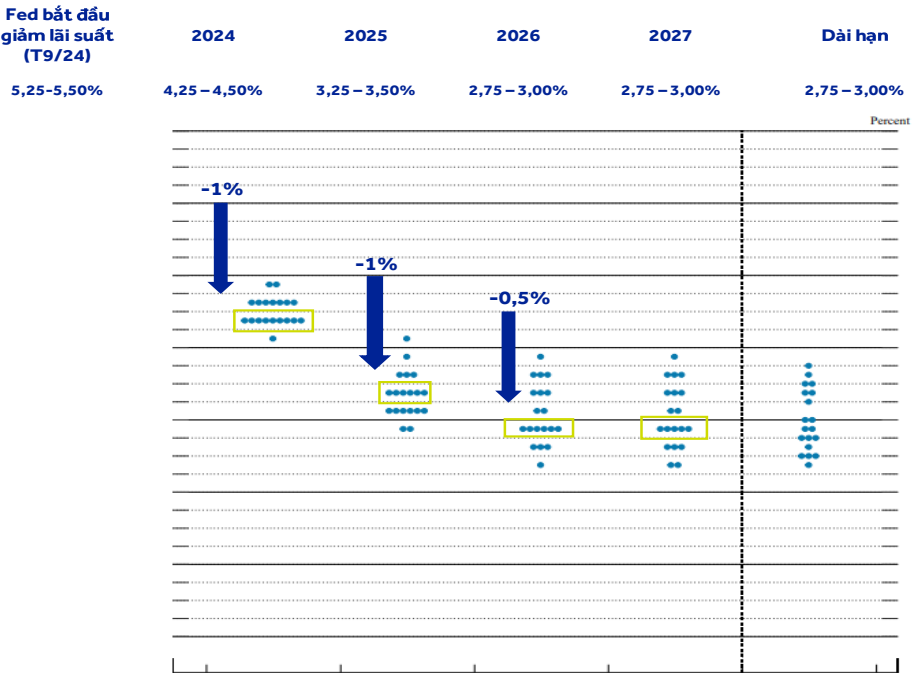
FED VẪN GIỮ NGUYÊN LỘ TRÌNH CẮT GIẢM LÃI SUẤT

- Trong cuộc họp Ủy ban thị trường mở (FOMC) tháng 11/2024, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) vừa quyết định cắt giảm 0,25% lãi suất xuống còn 4,50% - 4,75% nhằm cân bằng những rủi ro về lạm phát và kinh tế.
- FED nhận định trong bối cảnh hiện tại rủi ro lạm phát và rủi ro không đạt mục tiêu toàn dụng lao động là “ngang nhau” và FED đã bỏ nhận định trước đây rằng lạm phát đang hướng về mức mục tiêu 2%. Các tuyên bố mới đây của Chủ tịch FED Jerome Powell sau buổi họp báo cũng nhấn mạnh rằng mặc dù thị trường lao động không còn là áp lực chính gây ra lạm phát, nhưng FED vẫn sẵn sàng điều chỉnh chính sách nếu kinh tế quá nóng hoặc lạm phát không trở về mức mục tiêu.
- Như vậy, dựa trên những lập luận của FED chúng ta có thể dự báo **FED sẽ vẫn kiên định duy trì lộ trình cắt giảm lãi suất để cân bằng các yếu tố kinh tế và lạm phát**. đồng thời khẳng định sẽ điều chỉnh chính sách khi cần thiết để đảm bảo sự ổn định kinh tế. Nhìn chung với lộ trình hiện tại, FED dự kiến sẽ hạ thêm 0,25% vào kỳ họp tháng 12/2024 và hạ tiếp tổng cộng 1% vào năm 2025.

FED tiếp tục lộ trình cắt giảm lãi suất



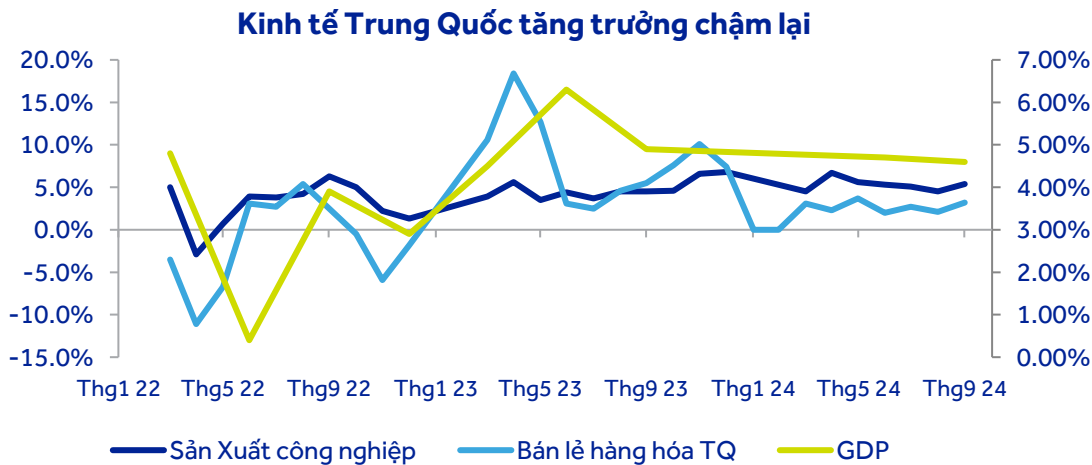
Nguồn: FED



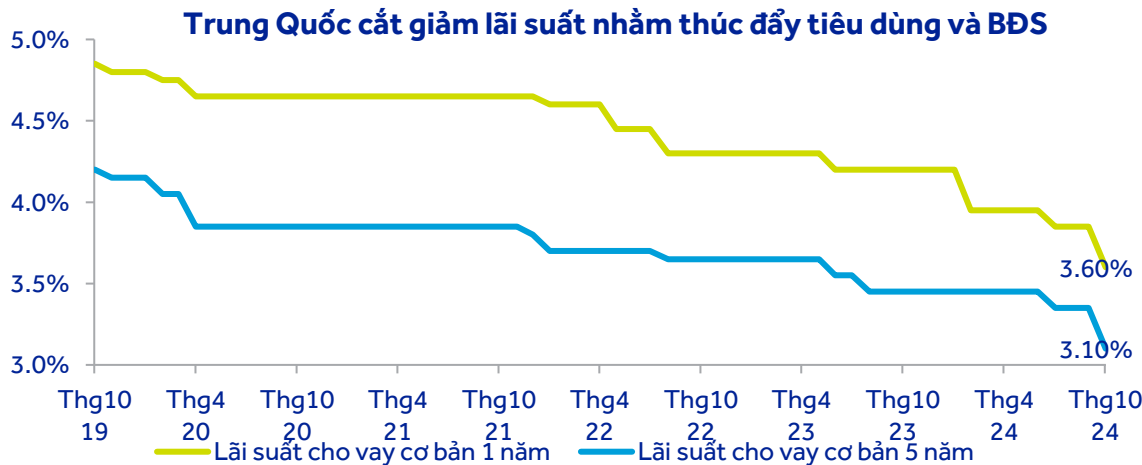
TRUNG QUỐC TIẾP TỤC TRIỂN KHAI NHIỀU BIỆN PHÁP KÍCH THÍCH KINH TẾ

Trung Quốc (TQ) vẫn đang triển khai các biện pháp kích thích kinh tế nhằm gia tăng nhu cầu trong nước và cố gắng đạt mục tiêu tăng trưởng. Cụ thể:

- 1. Chính sách tiền tệ:** trong tháng 10, PBOC giảm 0,25% các mức lãi suất chính sách cũng như lãi suất cho vay BĐS (lãi suất cho vay cơ bản 5 năm) & tiêu dùng (lãi suất cho vay cơ bản 1 năm). Bên cạnh đó, PBOC cũng cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc (RRR) 0,5% vào cuối tháng 9, cùng với khả năng giảm thêm 0,25-0,5% vào cuối năm 2024.
- 2. Các biện pháp tài khóa** bao gồm gia tăng phát hành trái phiếu đặc biệt và hoán đổi nợ quy mô lớn cho các chính quyền địa phương (LGFV). Trong cuộc họp Ủy ban Thường vụ Quốc hội TQ từ 4-8/11, Ủy ban (UB) đã quyết định triển khai chương trình hoán đổi nợ 10 nghìn tỷ NDT (1,4 nghìn tỷ USD) để tái cấp vốn cho các khoản nợ của chính quyền địa phương (LGFV). Bên cạnh đó, UB cũng nâng trần nợ của chính quyền địa phương lên 35,52 nghìn tỷ NDT, cho phép các tỉnh phát hành 6.000 tỷ NDT trái phiếu đặc biệt trong 3 năm tới để thay thế nợ tiềm ẩn, với khả năng tăng thêm 4.000 tỷ NDT trong 5 năm nếu cần.
- 3. Trong lĩnh vực bất động sản (BDS),** các biện pháp hạn chế thị trường BĐS tại các thành phố Hạng I đã được nới lỏng. PBOC cho các công ty nhà nước địa phương vay vốn mua lại nhà ở thương mại với tỷ lệ 60-100% giá trị nhà ở để làm giảm tồn kho BĐS, đồng thời giảm 0,5% lãi suất các khoản vay thế chấp hiện hữu và hạ mức đặt cọc tối thiểu cho ngôi nhà thứ hai từ 25% xuống còn 15%. Bộ Tài Chính TQ cũng đưa ra các biện pháp, có hiệu lực từ 01/12, như giảm thuế 1% cho cá nhân mua căn nhà đầu tiên có diện tích 140 mét vuông hoặc nhỏ hơn, giảm 1,5% cho diện tích lớn hơn 140 mét vuông, và giảm 2% cho căn nhà thứ hai có diện tích trên 140 mét vuông. Ngoài ra, cá nhân bán những căn nhà đã mua từ 2 năm trở lên sẽ không bị đánh thuế. Những chính sách này nhằm thúc đẩy việc mua bán và đầu tư vào BĐS.



Nguồn: NBS

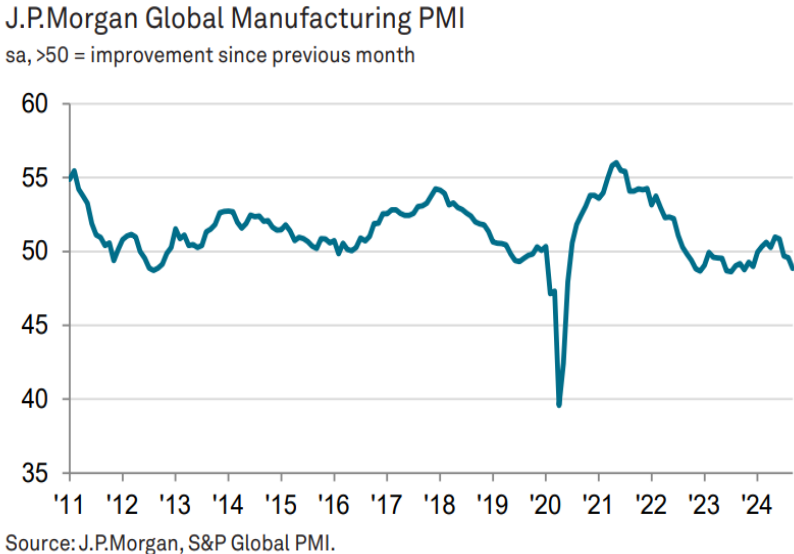


Nguồn: PBoC

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT TOÀN CẦU TIẾP TỤC SUY GIẢM NHƯNG NHU CẦU HÀNG TIÊU DÙNG VẪN DUY TRÌ

- Hoạt động sản xuất toàn cầu tiếp tục suy giảm trong T10/2024, với chỉ số PMI sản xuất toàn cầu của J.P. Morgan đạt 49,4, cho thấy sự suy giảm trong suốt 4 tháng liên tiếp. Mặc dù có sự cải thiện nhẹ so với T9 (48.7), ngành sản xuất vẫn gặp khó khăn với đơn hàng mới giảm, mất việc làm và thời gian giao hàng của nhà cung cấp ngày càng kéo dài. Trong đó:
- Hoạt động sản xuất của Trung Quốc có dấu hiệu phục hồi, trong khi sự suy yếu các hoạt động sản xuất tại Mỹ và khu vực Châu Âu đã giảm.
 - Việc làm trong ngành sản xuất vẫn giảm, đặc biệt tại Mỹ, Trung Quốc và Châu Âu.
 - Nhu cầu các mặt hàng tiêu dùng vẫn tăng, nhưng nhu cầu quốc tế và đơn hàng xuất khẩu vẫn yếu.
 - Lạm phát chi phí đầu vào giữ ở mức ổn định, trong khi thời gian giao hàng từ các nhà cung cấp vẫn tiếp tục kéo dài.
- Nhìn chung, PMI sản xuất tháng 10 của một số nền kinh tế lớn **có dấu hiệu giảm tốc mặc dù hầu như tất cả các nước sản xuất lớn vẫn đạt PMI trên 50.**

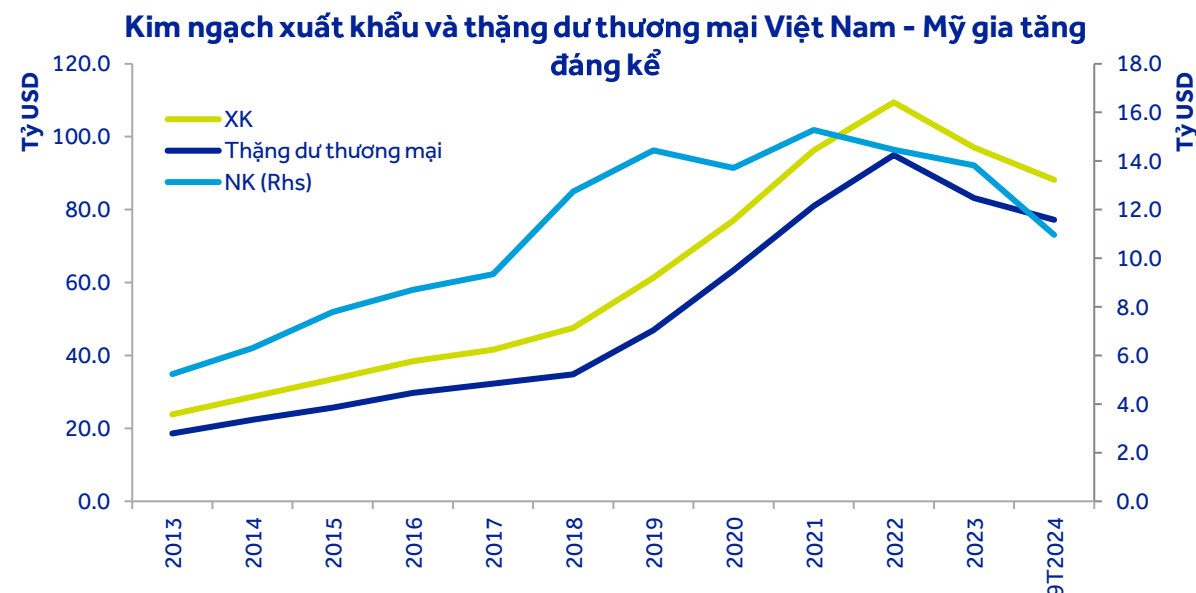
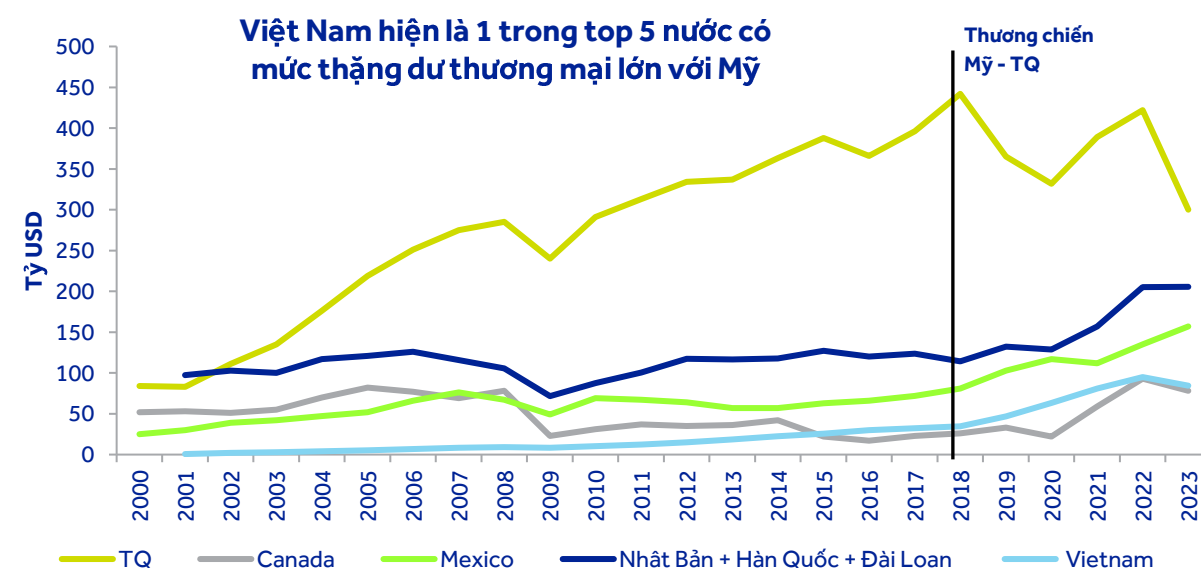
	Thg1 23	Thg2 23	Thg3 23	Thg4 23	Thg5 23	Thg6 23	Thg7 23	Thg8 23	Thg9 23	Thg10 23	Thg11 23	Thg12 23	Thg1 24	Thg2 24	Thg3 24	Thg4 24	Thg5 24	Thg6 24	Thg7 24	Thg8 24	Thg9 24	Thg10 24
Nhật Bản	48.9	47.7	49.2	49.5	50.6	49.8	49.6	49.6	48.5	48.7	48.3	47.9	48.0	47.2	48.2	49.6	50.4	50.0	49.1	49.8	49.7	49.2
Trung Quốc (NBS)	50.1	52.6	51.9	49.2	48.8	49.0	49.3	49.7	50.2	49.5	49.4	49.0	49.2	49.1	50.8	50.4	49.5	49.5	49.4	49.1	49.8	50.1
Trung Quốc (Caixin)	49.2	51.6	50.0	49.5	50.9	50.5	49.2	51.0	50.6	49.5	50.7	50.8	50.8	50.9	51.1	51.4	51.7	51.8	49.8	50.4	49.3	50.3
Đài Loan	44.3	49.0	48.6	47.1	44.3	44.8	44.1	44.3	46.4	47.6	48.3	47.1	48.8	48.6	49.3	50.2	50.9	53.2	52.9	51.5	50.8	50.2
Hàn Quốc	48.5	48.5	47.6	48.1	48.4	47.8	49.4	48.9	49.9	49.8	50.0	49.9	51.2	50.7	49.8	49.4	51.6	52.0	51.4	51.9	48.3	48.3
Ấn Độ	55.4	55.3	56.4	57.2	58.7	57.8	57.7	58.6	57.5	55.5	56.0	54.9	56.5	56.9	59.1	58.8	57.5	58.3	58.1	57.5	56.5	57.5
Thái Lan	54.5	54.8	53.1	60.4	58.2	53.2	50.7	48.9	47.8	47.5	47.6	45.1	46.7	45.3	49.1	48.6	50.3	51.7	52.8	52.0	50.4	50.0
Philippines	53.5	52.7	52.5	51.4	52.2	50.9	51.9	49.7	50.6	52.4	52.7	51.5	50.9	51.0	50.9	52.2	51.9	51.3	51.2	51.2	53.7	52.9
Singapore	49.8	50.0	49.9	49.7	49.5	49.7	49.8	49.9	50.1	50.2	50.3	50.5	50.7	50.6	50.7	52.6	50.6	50.4	50.7	50.9	51.0	50.8
Malaysia	46.5	48.4	48.8	48.8	47.8	47.7	47.8	47.8	46.8	46.8	47.9	47.9	49.0	49.5	48.4	49.0	50.2	49.9	49.7	49.7	49.5	49.5
Việt Nam	47.4	51.2	47.7	46.7	45.3	46.2	48.7	50.5	49.7	49.6	47.3	48.9	50.3	50.4	49.9	50.3	50.3	54.7	54.7	52.4	47.3	51.2
Indonesia	51.3	51.2	51.9	52.7	50.3	52.5	53.3	53.9	52.3	51.5	51.7	52.2	52.9	52.7	54.2	52.9	52.1	50.7	49.3	48.9	49.2	49.2



Nguồn: S&P Global, JP Morgan

VIỆT NAM CÓ THỂ ÍT HƯỞNG LỢI TỪ CÁC CHÍNH SÁCH CỦA CHÍNH QUYỀN MỚI CỦA TỔNG THỐNG TRUMP

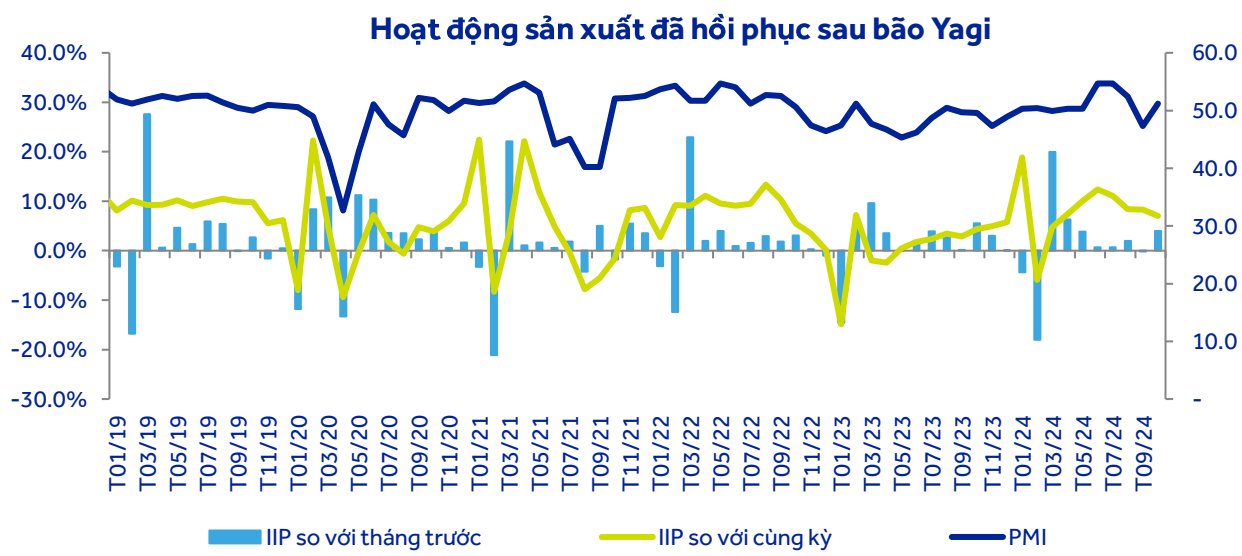
- Với việc Donald Trump mới tái đắc cử Tổng thống Mỹ, theo quan điểm của chúng tôi, Việt Nam (VN) lần này có thể sẽ ít hưởng lợi như trong nhiệm kỳ đầu của ông, khi ông khởi xướng cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung. Trong nhiệm kỳ mới, Trump đã đe dọa áp thuế lên tới 60% đối với hàng hóa Trung Quốc (TQ) và 20% đối với các mặt hàng nhập khẩu của các nước khác, điều này có thể ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu của VN, đặc biệt là khi thặng dư thương mại VN với Mỹ ngày càng tăng. Không loại trừ khả năng Mỹ có thể tăng cường giám sát hàng xuất khẩu từ VN, có khả năng áp thuế chống bán phá giá và thậm chí đánh thuế bổ sung lên sản phẩm VN.
- Mặc dù Việt Nam vẫn có thể tiếp tục thu hút vốn đầu tư vì vẫn là lựa chọn tối ưu cho các công ty di dời hoạt động sản xuất ra khỏi TQ nhưng một số ngành, như sản xuất công nghệ cao, có thể gặp khó khăn nếu các công ty có quy trình tự động tiên tiến dịch chuyển về Mỹ. Để giảm căng thẳng thương mại, VN có thể mua thêm khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) và các sản phẩm khác của Mỹ, nhưng Trump vẫn có thể gây áp lực buộc VN hạn chế phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu từ TQ. Mặc dù các mức thuế mới có thể gây hại cho một số lĩnh vực, chúng tôi tin với kinh nghiệm của VN trong việc quản lý quan hệ với các cường quốc sẽ giúp VN vượt qua các thách thức tiềm ẩn dưới nhiệm kỳ thứ hai của Trump.



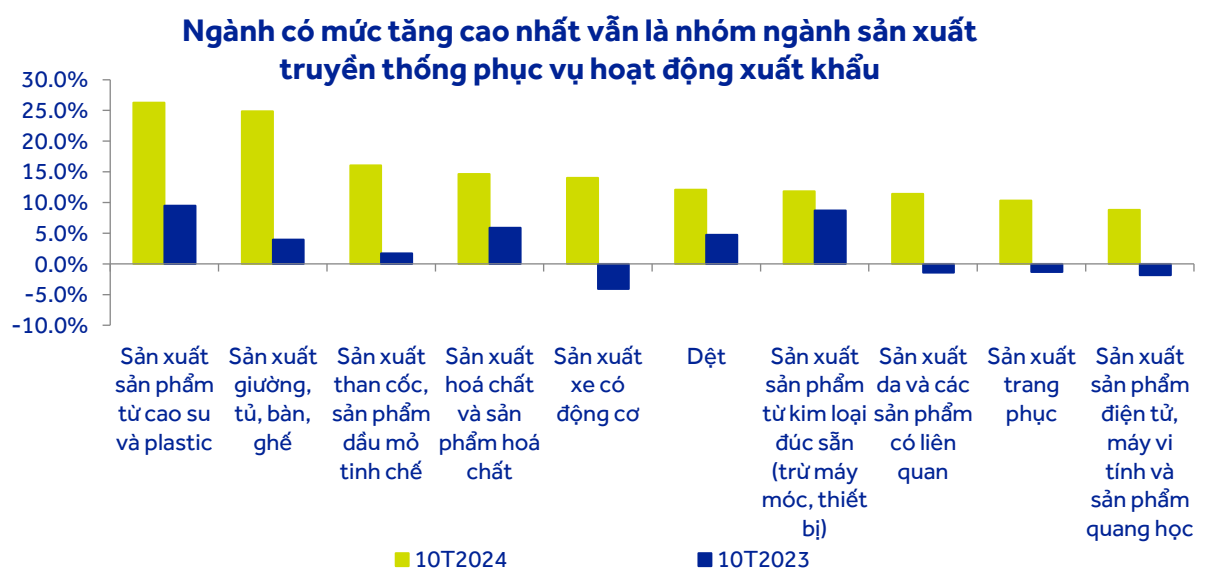
Nguồn: Bloomberg, Hải quan Việt Nam

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP HỒI PHỤC SAU BÃO

- Các hoạt động sản xuất phục vụ xuất khẩu tiếp tục được thúc đẩy. Cụ thể, **chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trong T10/2024 ước tăng 4,0% so với tháng trước và tăng 7,0% svck.** Tính chung 10T2024, IIP tăng 8,3% svck (10T2023 tăng 0,5% svck).
- **Chỉ số PMI T10/2024 của Việt Nam cũng quay về mức trên mức 50 sau khi giảm trong T9/2024 do ảnh hưởng bão Yagi.** Cụ thể PMI T10/2024 đạt **51,2**, cho thấy ngành sản xuất Việt Nam bắt đầu hồi phục sau cơn bão vào T9/2024 (PMI 47,3). Mặc dù sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới đều tăng trở lại, nhưng tốc độ tăng trưởng vẫn chậm hơn so với trước đó do một số tác động của cơn bão vẫn kéo dài và gây chậm trễ trong việc giao hàng. Công việc tồn đọng tiếp tục tăng tháng thứ năm liên tiếp, nhưng việc làm đã giảm lại. Chi phí đầu vào và giá cả đầu ra có xu hướng tăng, mặc dù ở mức nhẹ. Niềm tin kinh doanh giảm xuống mức thấp nhất trong vòng 9T do sự không chắc chắn trong điều kiện thị trường toàn cầu, đặc biệt là Mỹ. Mặc dù vậy, các công ty vẫn kỳ vọng vào sự phục hồi sản xuất vào cuối năm khi nhiều nhà sản xuất trở lại hoạt động với công suất tối đa.
- Tuy nhiên, rủi ro đối với hoạt động sản xuất công nghiệp vẫn còn hiện hữu khi: (1) thương chiến Trung-Mỹ có thể làm suy giảm hoạt động sản xuất toàn cầu; (2) Việt Nam đối mặt với nhiều rủi ro thương mại với Mỹ như thuế quan và khả năng duy trì “Quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện”.



Nguồn: Tổng cục Thống kê

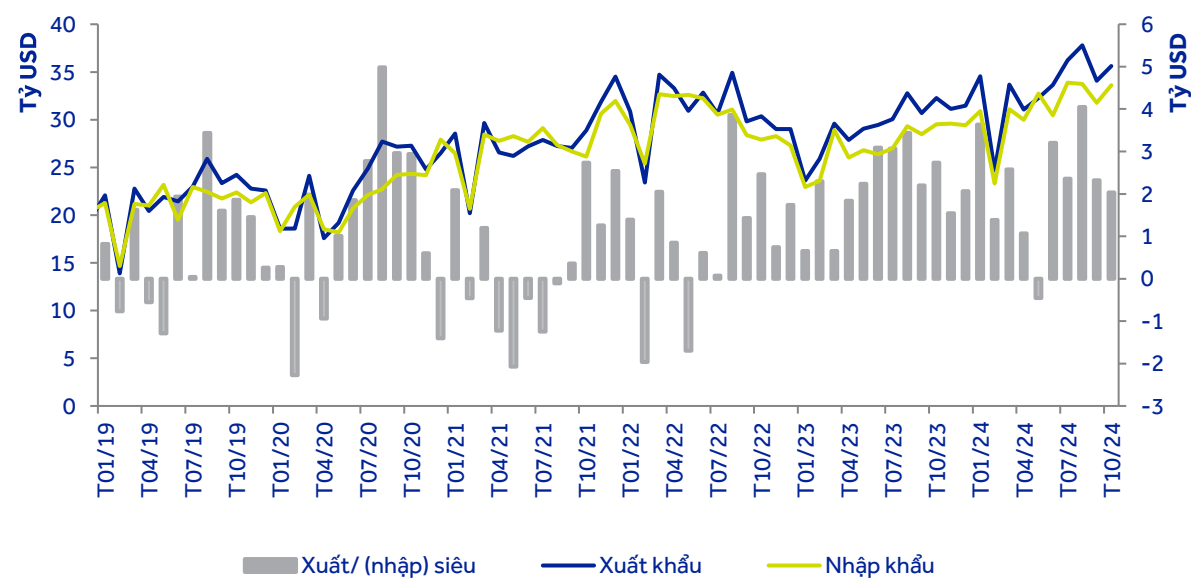


Nguồn: Tổng cục Thống kê

HOẠT ĐỘNG XNK VẪN DUY TRÌ TĂNG TRƯỞNG

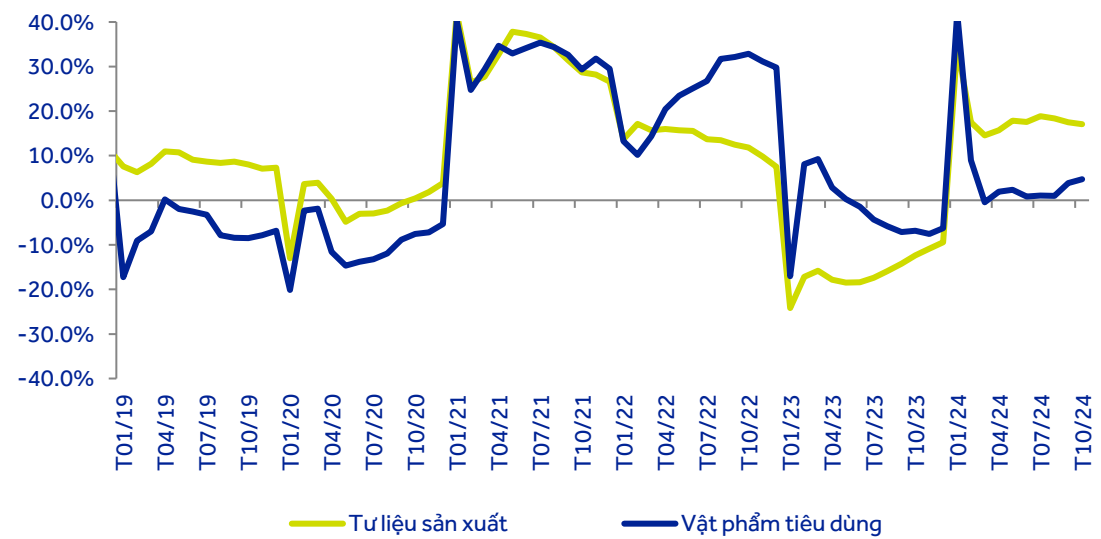
- **Hoạt động Xuất Nhập khẩu tiếp tục tăng trong T10/2024** với giá trị xuất khẩu đạt 35.63 tỷ USD (+10,5% svck), nhập khẩu đạt 33,6 tỷ USD (+13,8% svck) và thặng dư 2,03 tỷ USD. Lũy kế 10T2024, xuất khẩu đạt 333,6 tỷ USD (+14,6% svck) trong khi nhập khẩu đạt 246 tỷ USD (+15,8% svck), thặng dư đạt 22,2 tỷ USD.
- **Nhập khẩu tư liệu sản xuất tiếp tục tăng (T10/24 +13,9% svck và 10T24 +17,1% svck)**, báo hiệu triển vọng tích cực cho các hoạt động sản xuất và xuất khẩu trong thời gian tới, đặc biệt là khi mùa mua sắm lễ hội cuối năm đang đến gần.
- Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam (98,7 tỷ USD) trong 10T2024, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất (117,5 tỷ USD) trong 10T2024.

XNK hàng hóa tiếp tục duy trì mức tăng trưởng



Nguồn: TCTK và Hải quan VN

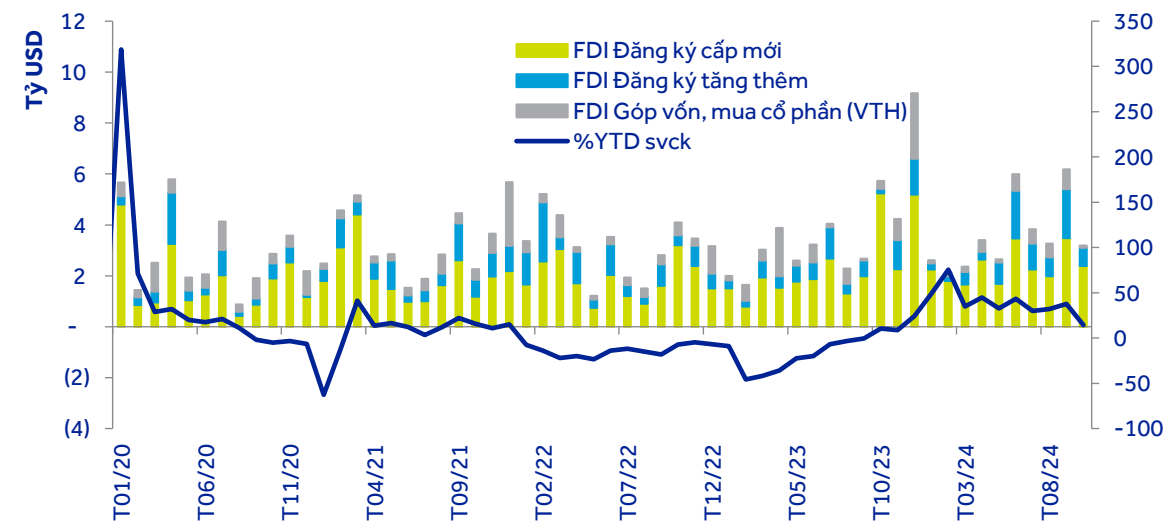
NK nguyên vật liệu tiếp tục tăng chỉ báo tích cực cho hoạt động sản xuất và thương mại



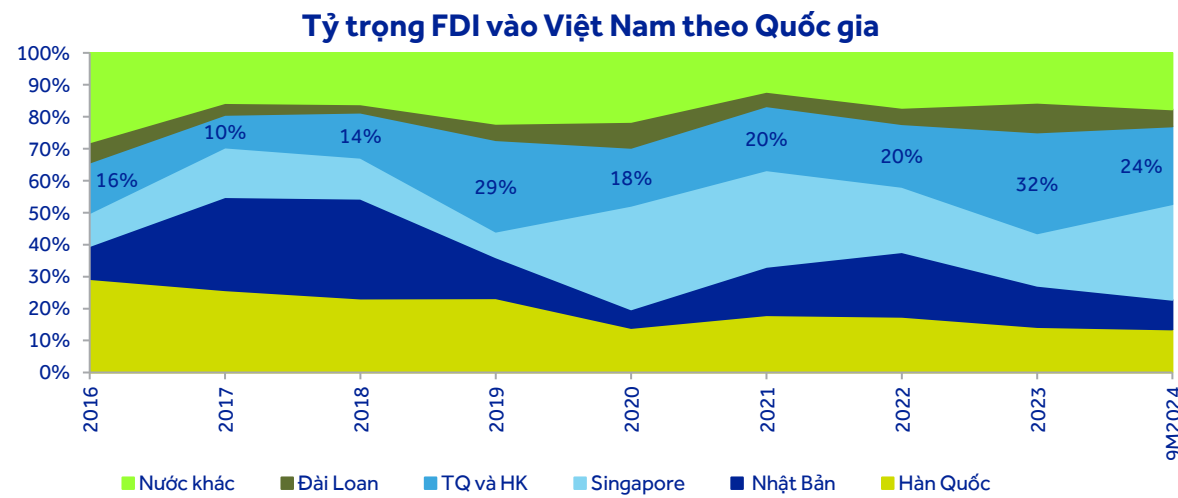
Nguồn: TCTK và Hải quan VN

FDI ĐĂNG KÝ CHỨNG LẠI

- **FDI đăng ký chứng lại trong T10/2024:** Vốn FDI đăng ký trong T10 giảm 54% svck nhưng FDI giải ngân vẫn đạt 7,3% svck. Nhìn chung, 10T2023 FDI đạt hơn 23,6 tỷ USD, +14,3% svck, trong khi vốn FDI giải ngân tiếp tục ổn định, đạt 19,6 tỷ USD (+8, 8% svck).
- Vốn FDI đăng ký 10T2025 vào lĩnh vực Công nghiệp Chế biến và Sản xuất chiếm 69% tổng vốn nhưng giảm 6,5% svck , trong khi vốn FDI vào ngành Bất động sản tăng rất mạnh 388% svck trong 10T2024, chiếm tỷ trọng 18,7% tổng vốn.
- Các tỉnh, thành phố có nhiều lợi thế trong thu hút đầu tư nước ngoài, như Bắc Ninh (+244%), Quảng Ninh (-36%), Hải Phòng (-47%), Hà Nội (+134%), TP.HCM (-20,9%), Bình Dương (+172%) và BR-VT (+100%) tiếp tục thu hút phần lớn nguồn vốn FDI. Bắc Ninh và Bình Dương có mức tăng đáng kể chủ yếu nhờ các dự án FDI hiện hữu đăng ký điều chỉnh tăng vốn trong khi BR-VT lại gia tăng thu hút vốn FDI đăng ký mới với nhiều dự án đầu tư vào các khu Công Nghiệp Phú Mỹ thuộc ngành công nghiệp nặng và logistics.
- Các đối tác đầu tư truyền thống đến từ châu Á như Singapore, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, và Trung Quốc vẫn chiếm tỷ trọng lớn.



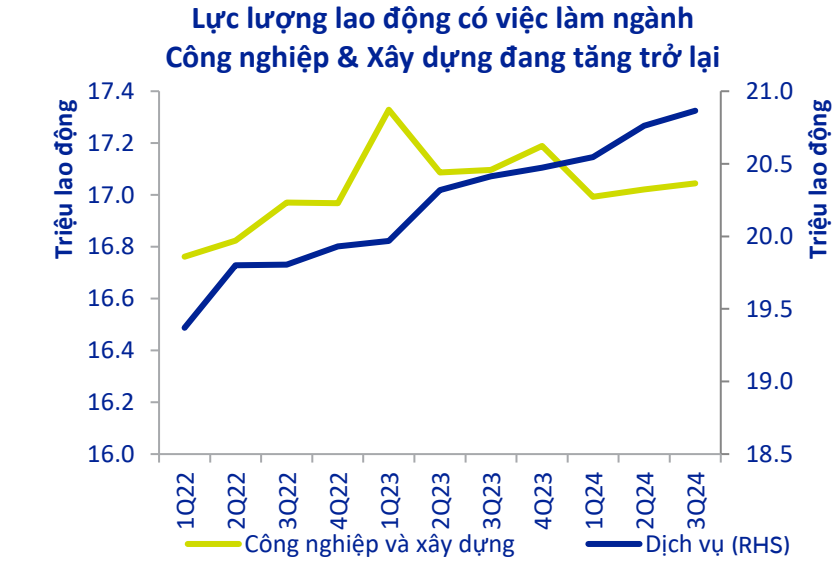
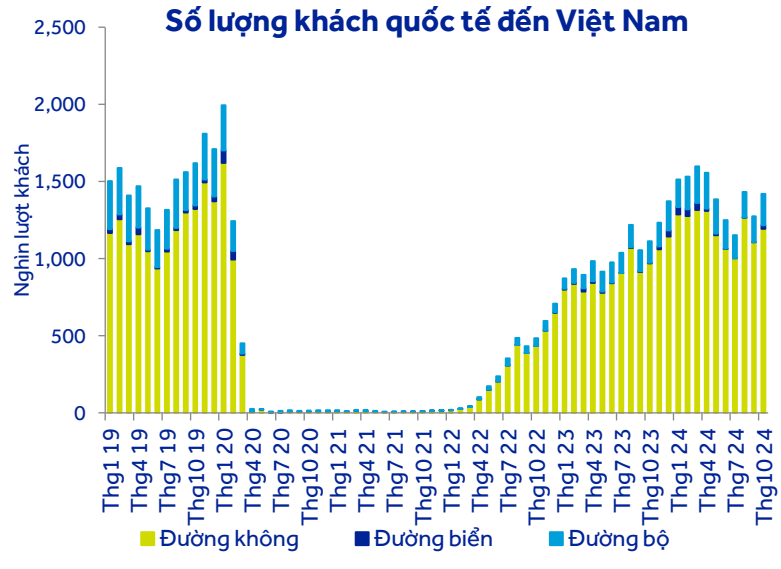
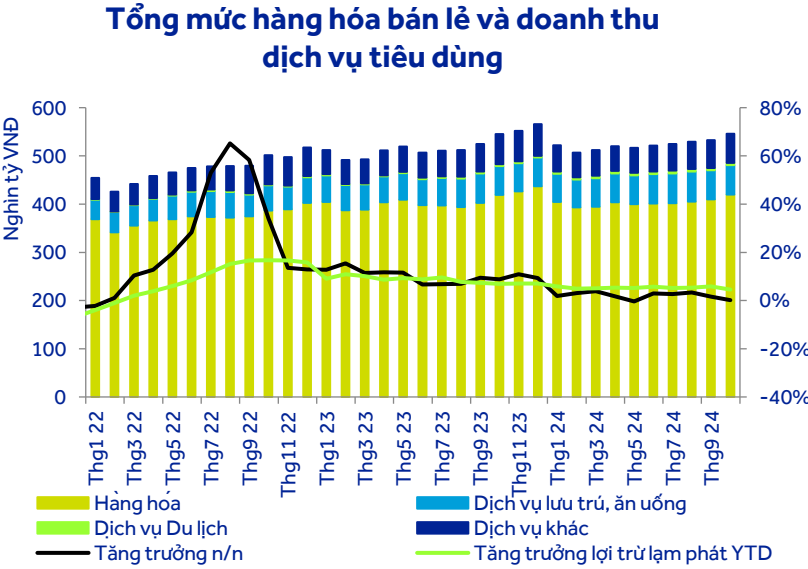
Nguồn: TCTK



Nguồn: Bộ KH và ĐT

KỶ VỌNG TIÊU DÙNG HỒI PHỤC MẠNH HƠN

- **Doanh thu bán lẻ mặc dù vẫn tăng nhưng tốc độ tăng rất chậm so với mức trung bình trong những giai đoạn trước.** Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trong T10/2024 tăng 7,1% svck (thấp hơn mức trung bình lịch sử 11-12%), đạt 545 nghìn tỷ đồng. 10T2024, hoạt động bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng 8,5% svck, đạt 5.246 nghìn tỷ đồng. Nếu loại trừ lạm phát, doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ trong 10T2024 chỉ tăng 4,6% svck.
- **Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ ăn uống giảm tốc độ tăng trong 3 tháng qua.** Điểm sáng vẫn là hoạt động bán lẻ dịch vụ du lịch tiếp tục hồi phục mạnh sau dịch COVID-19 nhờ chính sách thị thực thuận lợi và các chương trình xúc tiến du lịch tiếp tục đẩy mạnh lượng khách quốc tế giúp khách quốc tế đến Việt Nam trong 10T2024, với hơn 14,1 triệu lượt khách quốc tế, tăng 41,3% svck.
- **Chúng tôi kỳ vọng nhu cầu tiêu dùng sẽ phục hồi mạnh hơn trong thời gian tới** nhờ chính sách giảm thuế VAT 2% có thể được gia hạn tới giữa năm 2025, nền lãi suất tiêu dùng vẫn thấp và chính sách tiền tệ nới lỏng tiếp tục được duy trì, hoạt động du lịch sôi động những tháng cuối năm và hơn hết là lực lượng lao động nhóm ngành công nghiệp & xây dựng đang tăng trở lại.

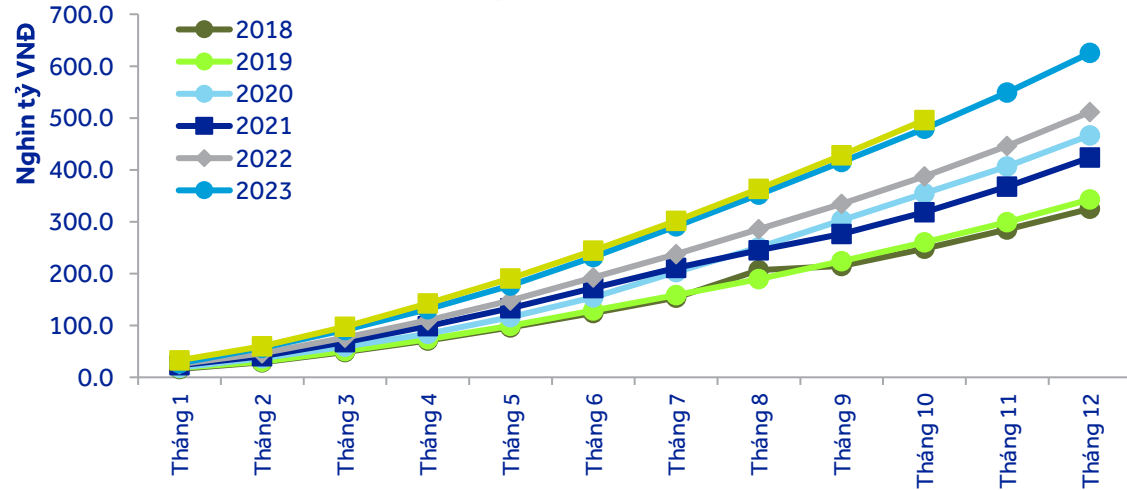


Nguồn: TCTK

ĐẦU TƯ CÔNG CẦN NỖ LỰC ĐỘT PHÁ

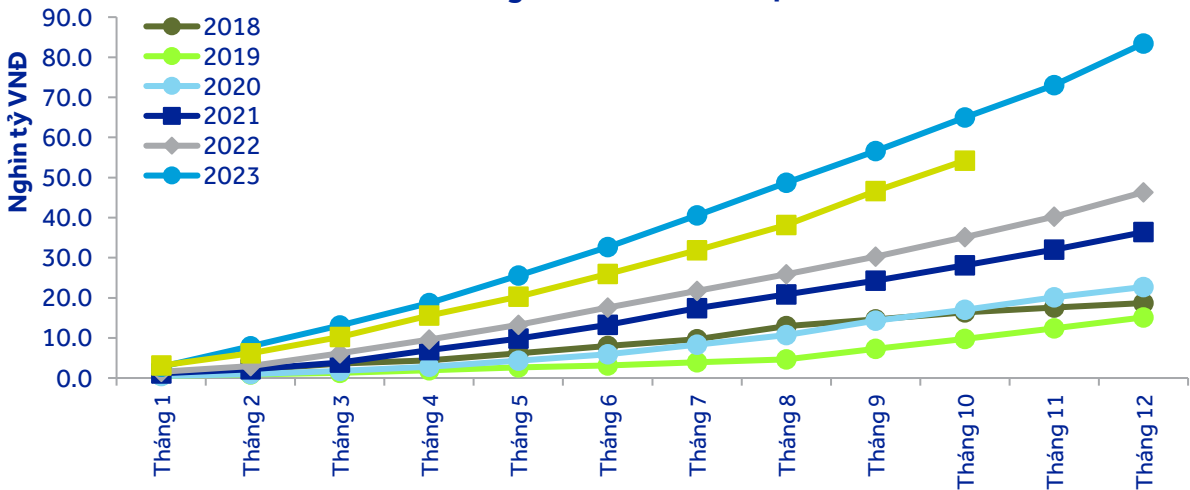
- Sau giai đoạn tăng trưởng tích cực trong năm 2023, đầu tư công năm 2024 rơi vào giai đoạn trầm lắng. Tiến độ giải ngân tiếp tục chậm, đặc biệt là giải ngân từ Bộ GTVT.
- Vốn thực hiện thuộc Ngân sách Nhà nước đạt 495,9 nghìn tỷ đồng trong 10T2024 (+1,8% svck, đạt 64,3% kế hoạch). Giá trị giải ngân chỉ tương đương với năm 2023 và thậm chí giải ngân của Bộ GTVT còn thấp hơn cùng kỳ năm 2023.
- Chúng tôi kỳ vọng Chính phủ sẽ đẩy mạnh đầu tư công trong những tháng cuối năm 2024 và xuyên suốt năm 2025, đặc biệt khi năm 2025 là năm cuối nhiệm kỳ của Chính phủ, cần tăng tốc để hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội. Một trong những dự án lớn dự kiến mang lại nhiều tác động cho kinh tế - xã hội Việt Nam là dự án đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam. Dự án đường sắt này với chiều dài 1.545 km nối Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, nhằm giảm tải cho hệ thống giao thông đường bộ và nâng cao hiệu quả vận tải. Chính phủ dự kiến triển khai giai đoạn 1 từ Hà Nội đến Vinh và từ Nha Trang đến TP. Hồ Chí Minh vào năm 2025. Dự án được kỳ vọng không chỉ rút ngắn thời gian di chuyển mà còn tạo hơn 200.000 việc làm, thúc đẩy phát triển kinh tế vùng và thu hút đầu tư nước ngoài.
- Chúng tôi dự kiến đầu tư công sẽ là một nhân tố lớn thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Việt Nam thời gian sắp tới, đặc biệt là năm 2025.

Giải ngân VĐT NSNN



Nguồn: TCTK, Bộ KHĐT

Giải ngân VĐT NSNN - Bộ GTVT

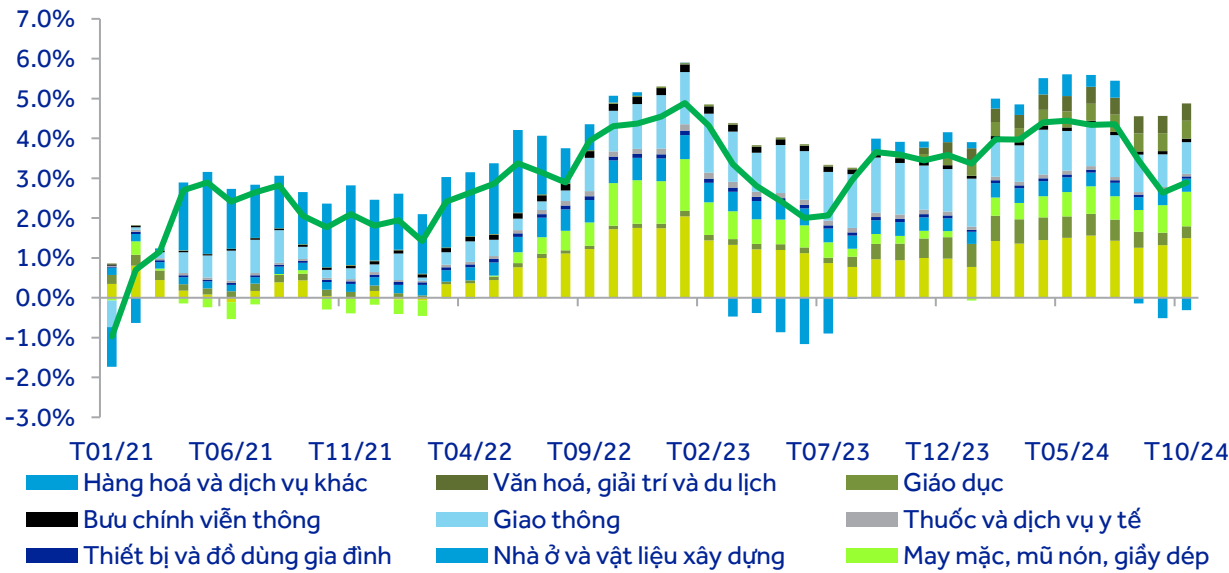


Nguồn: TCTK, Bộ KHĐT

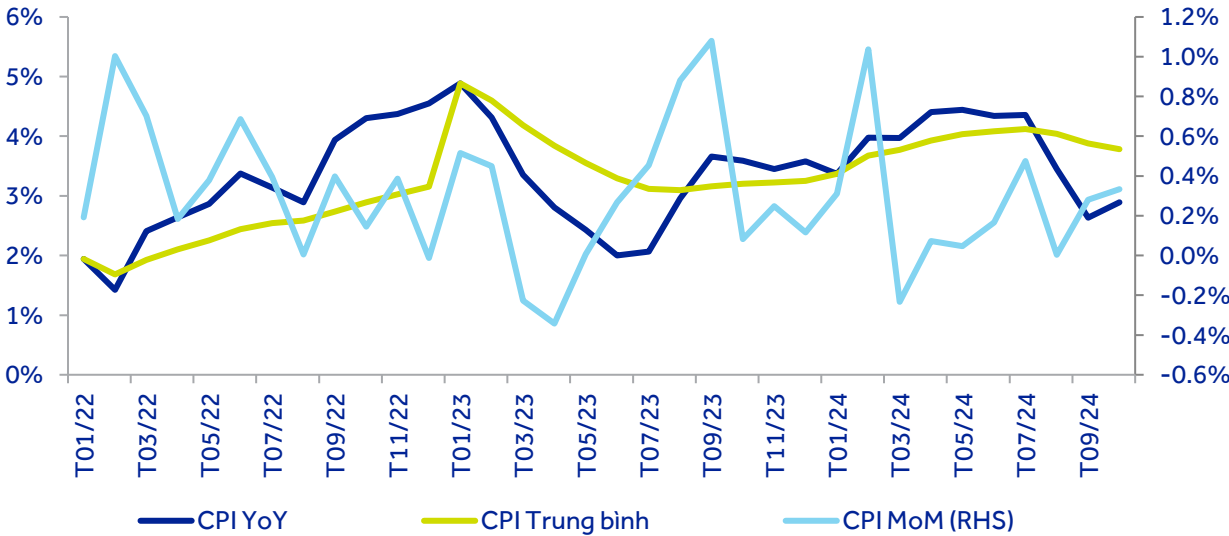
LẠM PHÁT DỰ KIẾN ĐẠT MỤC TIÊU DƯỚI 4,5%

- **Lạm phát duy trì ở mức ổn định trong T10/2024.** Cụ thể, CPI T10/2024 tăng 2,89% svck và tăng 0,33% so với T9/2024. Lạm phát bình quân 10T2024 ở mức 3,78% svck trong khi lạm phát cơ bản 2,69% svck.
- Trong thời gian tới, **lạm phát dự kiến tiếp tục sẽ hạ nhiệt** nhờ (1) lạm phát toàn cầu có xu hướng hạ nhiệt góp phần giảm áp lực nhập khẩu lạm phát; và (2) nguồn cung lương thực, thực phẩm dồi dào có thể đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng nội địa & xuất khẩu đặc biệt là nhu cầu gia tăng cuối năm và giúp giảm bớt áp lực lạm phát.
- Tuy nhiên, lạm phát trong những tháng cuối năm vẫn chịu **một số áp lực** đáng chú ý như (1) Nhà nước vừa điều chỉnh giá các mặt hàng quản lý, như chi phí giáo dục từ tháng 10, dự kiến sẽ tăng CPI khoảng 0,19-0,25%, và giá điện sinh hoạt điều chỉnh tăng từ 11/10 và nhu cầu sử dụng điện trong hai tháng cuối năm cao hơn cũng sẽ tạo áp lực lên CPI; (2) Yếu tố mùa vụ cuối năm với các dịp lễ lớn (Giáng sinh, Tết Tây và Tết Nguyên đán) làm tăng nhu cầu hàng hóa, gây áp lực lên lạm phát cả trực tiếp (nhóm lương thực, thực phẩm) và gián tiếp (nhóm ăn uống ngoài gia đình).
- **Cho cả năm 2024, chúng tôi vẫn dự kiến lạm phát cho cả năm 2024 vẫn nằm trong dưới mức mục tiêu của Chính phủ (4,5%).**

Lạm phát dự kiến sẽ đạt mục tiêu Chính phủ



Lạm phát trung bình 10T đã giảm xuống dưới 4%



Nguồn: TCTK

CÁC CHỈ SỐ VĨ MÔ THEO THÁNG

Dữ liệu hàng tháng	T1/23	T2/23	T3/23	T04/23	T05/23	T06/23	T07/23	T08/23	T09/23	T10/23	T11/23	T12/23	T1/24	T2/24	T3/24	T4/24	T5/24	T6/24	T7/24	T8/24	T9/24	T10/24
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) (n/n)	-14.9%	7.2%	-2.0%	-2.4%	0.5%	1.8%	2.3%	3.5%	2.9%	4.4%	5.0%	5.8%	18.9%	-6.8%	4.8%	7.4%	10.0%	12.4%	11.1%	8.4%	8.3%	7.0%
Khai khoáng	-13.0%	9.9%	-4.2%	-5.5%	2.9%	0.2%	-2.1%	-7.1%	-6.4%	-0.8%	-6.9%	-12.8%	9.2%	-15.4%	-6.9%	-5.0%	-8.3%	-11.1%	-9.7%	-6.1%	-10.4%	-10.4%
Chế biến, chế tạo	-15.6%	6.8%	-2.5%	-2.8%	-0.9%	2.2%	2.6%	4.3%	3.8%	4.5%	5.7%	7.6%	18.7%	-6.5%	5.1%	7.8%	11.9%	15.0%	13.8%	9.1%	10.4%	8.8%
Sản xuất và phân phối điện	-12.4%	8.3%	1.8%	2.3%	7.7%	-0.7%	3.8%	5.6%	3.0%	7.4%	9.6%	5.9%	29.9%	-3.7%	10.9%	13.9%	12.3%	12.7%	7.6%	9.9%	4.1%	6.0%
Cung cấp nước, xử lý rác thải	-1.4%	7.1%	11.1%	8.1%	4.7%	5.7%	1.4%	1.9%	7.0%	5.8%	6.6%	11.5%	6.3%	-1.1%	12.0%	9.1%	5.3%	8.8%	11.1%	24.1%	13.7%	6.9%
Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI)	47.4	51.2	47.7	46.7	45.3	46.2	48.7	50.5	49.7	49.6	47.3	48.9	50.3	50.4	49.9	50.3	50.3	54.7	54.7	52.4	47.3	51.2
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (n/n)	12.8%	15.5%	11.5%	11.7%	8.1%	6.7%	6.9%	6.9%	7.5%	7.0%	10.1%	9.3%	8.1%	8.1%	9.2%	9.0%	9.5%	9.1%	9.4%	7.9%	7.6%	7.1%
CPI (t/t)	0.5%	0.5%	-0.2%	-0.3%	0.0%	0.3%	0.5%	0.9%	1.1%	0.1%	0.3%	0.1%	0.3%	1.0%	-0.2%	0.1%	0.1%	0.2%	0.5%	0.0%	0.3%	0.3%
CPI (n/n)	4.9%	4.3%	3.4%	2.8%	2.4%	2.0%	2.1%	3.0%	3.7%	3.6%	3.5%	3.5%	3.4%	4.0%	4.0%	4.4%	4.4%	4.3%	4.4%	3.5%	2.6%	2.9%
Kim ngạch xuất khẩu (n/n)	-23.5%	10.5%	-14.8%	-16.4%	-6.0%	-10.3%	-1.8%	-6.2%	2.9%	6.2%	7.2%	8.4%	46.2%	-4.6%	13.8%	11.4%	11.1%	14.3%	20.5%	15.4%	11.1%	10.5%
Kim ngạch nhập khẩu (n/n)	-22.1%	-7.1%	-11.5%	-19.8%	-17.8%	-18.2%	-11.6%	-5.6%	0.3%	5.8%	4.6%	7.7%	34.6%	-1.2%	7.5%	15.2%	22.1%	15.5%	25.5%	15.1%	11.5%	13.8%
Cán cân thương mại (triệu USD)	656	2,300	650	1,834	2,240	3,087	3,067	3,439	2,199	2,734	1,543	2,061	3,632	1,382	2,579	1,066	-456	3,201	2,356	4,050	2,319	2,034
FDI giải ngân (triệu USD)	1,350	1,200	1,770	1,530	1,800	2,371	1,559	1,520	2,813	2,087	2,250	2,930	1,480	1,320	1,830	1,650	1,970	2,590	1,710	1,600	3,190	2,240
FDI đăng ký (triệu USD)	1,510	790	1,930	1,535	1,776	1,877	2,677	1,315	1,974	5,236	2,260	5,190	2,250	1,790	1,660	2,640	1,678	3,472	2,240	1,981	3,479	2,389

CÁC CHỈ SỐ VĨ MÔ THEO QUÝ

Trịnh Viết Hoàng Minh
(+84 28)7300 7000 – Ext: 1046
minhtvh@acbs.com.vn

Dữ liệu hàng quý	Q1 2022	Q2 2022	Q3 2022	Q4 2022	Q1 2023	Q2 2022	Q3 2023	Q4 2023	Q1 2024	Q2 2024	Q3 2024
GDP (n/n)	5.05%	7.72%	13.67%	5.92%	3.32%	3.72%	5.47%	6.72%	5.87%	7.09%	7.40%
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	2.53%	3.02%	3.24%	3.85%	2.52%	3.07%	4.30%	4.13%	3.42%	3.64%	2.58%
Công nghiệp và xây dựng	6.41%	8.87%	12.91%	4.22%	-0.40%	1.13%	5.16%	7.35%	6.66%	8.60%	9.11%
Dịch vụ	4.64%	8.56%	18.86%	8.12%	6.79%	6.33%	6.43%	7.29%	6.20%	7.10%	7.51%
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) (n/n)	6.81%	10.83%	10.94%	3.02%	-2.25%	-0.21%	2.84%	4.97%	5.89%	9.94%	10.04%
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (n/n)	4.44%	19.46%	41.24%	17.11%	13.87%	8.80%	7.30%	9.30%	8.38%	8.81%	8.81%
Kim ngạch xuất khẩu (YTD) (triệu USD)	88,579	96,832	95,343	89,049	79,170	85,747	93,540	96,530	92,875	98,179	108,565
Kim ngạch nhập khẩu (YTD) (triệu USD)	87,770	97,581	89,980	85,340	75,100	77,480	84,859	90,173	85,282	94,020	99,742
Cán cân thương mại (triệu USD)	890	- 750	5,363	3,709	4,070	8,267	8,681	6,357	7,593	4,159	8,823
FDI giải ngân (triệu USD)	4,450	5,640	5,368	6,972	4,320	5,892	5,701	7,267	4,630	6,210	6,500
FDI đăng ký (triệu USD)	7,280	4,480	3,713	7,097	4,230	5,966	5,188	12,686	5,700	7,790	7,700

Liên hệ

Trụ sở chính

Tầng 3, Tòa nhà Léman, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM
Tel: (+84 28) 7300 7000 Fax: (+84 28) 7300 375
Website: www.acbs.com.vn

PHÒNG PHÂN TÍCH

Quyển Giám Đốc Phòng

Phân Tích

Đỗ Minh Trang

(+84 28) 7300 7000 (x1041)
trangdm@acbs.com.vn

Giám đốc PT ngành Bất động sản

Phạm Thái Thanh Trúc
(+84 28) 7300 7000 (x1043)
trucptt@acbs.com.vn

CVPT – Vật liệu Xây dựng, Hóa chất

Trần Nhật Trung
(+84 28) 7300 7000 (x1045)
trungtn@acbs.com.vn

Giám đốc PT ngành Tài chính

Cao Việt Hùng
(+84 28) 7300 7000 (x1049)
hungcv@acbs.com.vn

CVPT – Ngành Điện, nước

Phạm Đức Toàn
(+84 28) 7300 7000 (x1051)
toanpd@acbs.com.vn

Giám đốc PT ngành Hàng tiêu dùng, Công nghệ

Lương Thị Kim Chi
(+84 28) 7300 7000 (x1042)
chiltk@acbs.com.vn

CVPT – Vĩ mô & TT Tiền tệ

Trịnh Viết Hoàng Minh
(+84 28) 7300 7000 (x1046)
minhtvh@acbs.com.vn

CVPT- Dầu khí

Phan Việt Hưng
(+84 28) 7300 7000 (x1044)
hungpv@acbs.com.vn

NVPT – PTKT

Võ Phú Hữu
(+84 28) 7300 7000 (x1052)
huvvp@acbs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

10 Phan Chu Trinh Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội Tel: (+84 24) 3942 9395
Fax: (+84 24) 3942 9407

CVPT- Logistics

Nguyễn Thế Hùng
(+84 28) 7300 7000 (x1047)
hungnt@acbs.com.vn

NVPT – Dữ liệu thị trường

Mai Duy Anh
(+84 28) 7300 7000 (x1110)
anhmd@acbs.com.vn

CVPT – Xây dựng

Đỗ Tiến Đạt
(+84 28) 7300 7000 (x1048)
datdt@acbs.com.vn

KHOİ KHÁCH HÀNG ĐỊNH CHẾ

Trưởng phòng khối khách hàng định chế

Chu Thị Kim Hương

(+84 28) 7300 7000 (x1083)
huongctk@acbs.com.vn
groupis@acbs.com.vn

Chuyên viên GDKHĐC

Nguyễn Trần Như Huỳnh
(+84 28) 7300 6879 (x1088)
huynhntn@acbs.com.vn

Chuyên viên GDKHĐC

Thanh Trần
(+84 28) 7300 6879 (x1120)
thanh.tt@acbs.com.vn

Khuyến cáo

Xác Nhận Của Chuyên Viên Phân Tích

Chúng tôi, các tác giả của bản báo cáo phân tích này, xác nhận rằng (1) các quan điểm được trình bày trong bản báo cáo phân tích này là của chúng tôi (2) chúng tôi không nhận được bất kỳ khoản thu nhập nào, trực tiếp hoặc gián tiếp, từ các khuyến nghị hoặc quan điểm được trình bày đó.

Công Bố Thông Tin Quan Trọng

ACBS và các tổ chức có liên quan của ACBS (sau đây gọi chung là ACBS) đã có hoặc sẽ tiến hành các giao dịch theo giấy phép kinh doanh của ACBS với các công ty được trình bày trong bản báo cáo phân tích này. Danh mục đầu tư trên tài khoản tự doanh chứng khoán của ACBS cũng có thể có chứng khoán do các công ty này phát hành. Vì vậy nhà đầu tư nên lưu ý rằng ACBS có thể có xung đột lợi ích ở bất kỳ thời điểm nào.

ACBS phát hành nhiều loại báo cáo phân tích, bao gồm nhưng không giới hạn ở phân tích cơ bản, phân tích cổ phiếu, phân tích định lượng hoặc phân tích xu hướng thị trường. Các khuyến nghị trên mỗi loại báo cáo phân tích có thể khác nhau, nguyên nhân xuất phát từ sự khác biệt về thời hạn đầu tư, phương pháp phân tích áp dụng và các nguyên nhân khác.

Tuyên Bố Miễn Trách Nhiệm

Bản báo cáo phân tích này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin, ACBS không cung cấp bất kỳ bảo đảm rõ ràng hay ngụ ý nào và không chịu trách nhiệm về sự phù hợp của các thông tin chứa đựng trong báo cáo cho một mục đích sử dụng cụ thể. ACBS sẽ không xem những người nhận báo cáo, không nhận trực tiếp từ ACBS, là khách hàng của ACBS. Giá chứng khoán được trình bày trong kết luận của báo cáo (nếu có) chỉ mang tính tham khảo. ACBS không đề nghị hoặc khuyến khích nhà đầu tư tiến hành mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào dựa trên báo cáo này. **ACBS, các tổ chức liên quan của ACBS, ban quản lý, đối tác hoặc nhân viên của ACBS sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ (a) các thiệt hại trực tiếp, gián tiếp; hoặc (b) các khoản tổn thất do mất lợi nhuận, doanh thu, cơ hội kinh doanh hoặc các khoản tổn thất khác, kể cả khi ACBS đã được thông báo về khả năng xảy ra thiệt hại hoặc tổn thất đó, phát sinh từ việc sử dụng bản báo cáo phân tích này hoặc thông tin trong đó.** Ngoài các thông tin liên quan đến ACBS, các thông tin khác trong bản báo cáo này được thu thập từ các nguồn mà ACBS cho rằng đáng tin cậy, tuy nhiên ACBS không bảo đảm tính đầy đủ và chính xác của các thông tin đó. Các quan điểm trong báo cáo có thể bị thay đổi bất kỳ lúc nào và ACBS không có nghĩa vụ cập nhật các thông tin và quan điểm đã bị thay đổi đó cho nhà đầu tư đã nhận báo cáo này.

Bản báo cáo có chứa đựng các giả định, quan điểm của chuyên viên phân tích, tác giả của báo cáo, ACBS không chịu trách nhiệm cho bất kỳ sai sót nào của họ phát sinh trong quá trình lập báo cáo, đưa ra các giả định, quan điểm. Trong tương lai, ACBS có thể sẽ phát hành các bản báo cáo có thông tin mâu thuẫn hoặc thậm chí có nội dung kết luận đi ngược lại hoàn toàn với bản báo cáo này. Các khuyến nghị trong bản báo cáo này hoàn toàn là của riêng chuyên viên phân tích, các khuyến nghị đó không được đưa ra dựa trên các lợi ích của bất kỳ cá nhân tổ chức nào, kể cả lợi ích của ACBS. Bản báo cáo này không nhằm đưa ra các lời khuyên đầu tư cụ thể, cũng như không xem xét đến tình hình và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư nào, những người nhận bản báo cáo này. Vì vậy các chứng khoán được trình bày trong bản báo cáo có thể không phù hợp với nhà đầu tư. ACBS khuyến nghị rằng nhà đầu tư nên tự thực hiện đánh giá độc lập và tham khảo thêm ý kiến chuyên gia khi tiến hành đầu tư. Giá trị và thu nhập đem lại từ các khoản đầu tư có thể thay đổi hàng ngày tùy theo thay đổi của nền kinh tế và thị trường chứng khoán. Các kết luận trong báo cáo không nhằm tiên đoán thực tế do đó nó có thể khác xa so với thực tế, kết quả đầu tư của quá khứ không bảo đảm cho kết quả đầu tư của tương lai.

Bản báo cáo này có thể không được phát hành rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng hay được sử dụng, trích dẫn bởi các phương tiện thông tin đại chúng mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của ACBS. Việc sử dụng không có sự đồng ý của ACBS sẽ bị xem là bất hợp pháp và cá nhân, tổ chức vi phạm có nghĩa vụ bồi thường mọi thiệt hại, tổn thất (nếu có) đã gây ra cho ACBS từ sự vi phạm đó.

Trong trường hợp quốc gia của nhà đầu tư nghiêm cấm việc phân phối hoặc nhận các báo cáo phân tích như thế này thì nhà đầu tư cần hủy bản báo cáo này ngay lập tức, nếu không nhà đầu tư sẽ hoàn toàn tự chịu trách nhiệm. ACBS không cung cấp dịch vụ tư vấn thuế và không nội dung nào trong bản báo cáo này được xem như có nội dung tư vấn thuế. Do đó khi liên quan đến vấn đề thuế, nhà đầu tư cần tham khảo ý kiến của chuyên gia dựa trên tình hình và điều kiện tài chính cụ thể của nhà đầu tư.

Bản báo cáo này có thể chứa đựng các đường dẫn đến trang web của bên thứ ba, ACBS không chịu trách nhiệm đối với nội dung trên các trang web này. Việc đưa đường dẫn chỉ nhằm mục đích tạo sự thuận tiện cho nhà đầu tư trong việc tra cứu thông tin; do đó nhà đầu tư hoàn toàn chịu các rủi ro khi truy cập các trang web này.

© Copyright ACBS (2024). Mọi quyền sở hữu trí tuệ và quyền tác giả là của ACBS và/hoặc chuyên viên phân tích, Bản báo cáo phân tích này không được phép sao chép, toàn bộ hoặc một phần, khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của ACBS.